TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 10 – 2023.
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiến.
2. Ông Nguyễn Ngọc Chẩn.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Việt Triều – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu *tham gia phiên tòa*: Ông Trương Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 147/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1991.

Nơi ĐKTT: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn G, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và bản trình bày có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh G tự nguyện kết hôn với nhau, có tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên vào ngày 18/9/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình của vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh G đánh chị T nên vợ chồng không còn sống chung cách đây khoảng 03 năm, nay chị T không còn tình cảm với anh G, không thể quay lại để tiếp tục sống chung với anh G, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị T và anh G có 02 con chung tên Huỳnh Tiểu L, sinh ngày 01/10/2012 và Huỳnh Thị Thu H, sinh ngày 11/02/2010, hiện 02 con chung đang do anh G nuôi dưỡng, chị T đồng ý giao 02 con chung cho anh G nuôi và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Theo biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 12/10/2023 và đơn xin xét xử vắng mặt có tại hồ sơ vụ án, bị đơn anh Huỳnh Văn G trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh G và chị T có tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 18/9/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính cách nhau, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống không có sự tin tưởng, chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, vợ chồng không còn sống chung cách đây 03 năm. Nay chị T có yêu cầu ly hôn thì anh G đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh G và chị T có 02 con chung tên Huỳnh Tiểu L, sinh ngày 01/10/2012 và Huỳnh Thị Thu H, sinh ngày 11/02/2010, hiện 02 con chung đang do anh G nuôi dưỡng, anh G có yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh G không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị T và bị đơn anh G đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xét xử vắng mặt; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh G. Về con chung: Giao 02 con chung tên Huỳnh Tiểu L, sinh ngày 01/10/2012 và Huỳnh Thị Thu H, sinh ngày 11/02/2010 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không

xem xét. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: chị Phạm Thị T khởi kiện anh Huỳnh Văn G có nơi cư trú tại Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên về việc "Ly hôn". Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn chị Phạm Thị T và bị đơn anh Huỳnh Văn G đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh G tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67, ngày 18/9/2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh G đều thống nhất: Quá trình sống chung, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không còn sống chung cách đây khoảng 03 năm, chị T và anh G xác định không thể quay lại để tiếp tục sống chung với nhau, chị T yêu cầu ly hôn, anh G đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xác định: mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh G đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh G.

[3] Về con chung: chị T và anh G thống nhất có 02 con chung tên Huỳnh Tiểu L, sinh ngày 01/10/2012 và Huỳnh Thị Thu H, sinh ngày 11/02/2010, hiện 02 con chung đang do anh G nuôi dưỡng, anh G có yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: anh G có yêu cầu nuôi 02 con chung, chị T đồng ý giao 02 con chung cho anh G nuôi, 02 cháu Huỳnh Tiểu L, Huỳnh Thị Thu H đều trên 7 tuổi và có nguyện vọng sống với anh G nên chấp nhận yêu cầu của anh G, giao 02 con chung Huỳnh Tiểu L và Huỳnh Thị Thu H cho anh G nuôi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh G không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Văn G.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Tiểu L, sinh ngày 01/10/2012 và Huỳnh Thị Thu H, sinh ngày 11/02/2010 cho anh G được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị T nộp trước tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008582 ngày 13/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Ngọc Hà

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Phú Yên(1)
- VKSND TX. Sông Cầu (2)
- THADS TX. Sông Cầu (1)
- Các đương sự (2)
- UBND xã Xuân Bình, TX. Sông Cầu, tỉnh Phú Yên (1)
- Lưu hồ sơ (2);
- Án Văn (2).